

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: *Răng hàm mặt*

TRÌNH ĐỘ: *Thạc sĩ*

MÃ NGÀNH: *8720501*

Cần Thơ, năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Quyển chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đính kèm).

Điều 2. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần được áp dụng kể từ khóa tuyển sinh năm học 2022-2023.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, PSDH.



**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 4103/QĐ-ĐHYDCT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Luật Giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH¹

Chương trình đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt được xây dựng vào năm 2016, chương trình được cập nhật ít nhất hai năm một lần. Trường khoa quản lý chương trình

¹ - Khái quát về quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT

- Số lượng khóa tuyển sinh, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp

- Những nét mới, thay đổi trong những lần rà soát, sự thay đổi phù hợp như thế nào với đặc điểm người học

- Tổng số tín chỉ cần phải tích lũy để hoàn thành chương trình, khái quát về quá trình đào tạo

phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt là hết sức cần thiết và đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và đã được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua.

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án, trong đó: học phần chung 10 tín chỉ; học phần cơ sở 6 tín chỉ; học phần hỗ trợ 3 tín chỉ; học phần chuyên ngành 35 tín chỉ và đề án 6 tín chỉ.

Thời gian học tập trung 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Khối lượng học tập: 60 tín chỉ.

Một tín chỉ lý thuyết = 15 tiết học trên lớp và 30 tiết tự học.

Một tín chỉ thực hành = 45 tiết.

Mỗi tiết giảng dạy trong 50 phút.

3. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình: Thạc sĩ Răng hàm mặt

Trình độ: Thạc sĩ

Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Răng hàm mặt

Mã ngành đào tạo: 8720501

Thời gian đào tạo: 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá)

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Số tín chỉ yêu cầu: 60

Khoa quản lý: Khoa Răng hàm mặt

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

Chứng nhận chất lượng: (không)

Website: <http://www.ctump.edu.vn>

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO ²

4.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Răng Hàm Mặt có y đức, kiến thức và nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp về y học và nha khoa, giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng. Thạc sĩ Răng Hàm Mặt còn

² Tham khảo yêu cầu về mục tiêu CTĐT tại Điều 4, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

phải có khả năng nghiên cứu khoa học, có năng lực sáng tạo trong nghiên cứu, tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ của đất nước.

Phát huy nguyên tắc đào tạo lấy người học làm trung tâm; xây dựng chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu, thạc sĩ định hướng ứng dụng để tạo điều kiện cho người học xác định năng lực, thể mạnh bản thân để thiết lập kế hoạch học tập chủ động và phù hợp với năng lực của người học.

4.2 Mục tiêu cụ thể

- **PO1.** Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng tổng quát và ngành Răng Hàm Mặt
- **PO2.** Có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp, kiến thức chẩn đoán, điều trị một số bệnh khó trong Răng hàm mặt
- **PO3.** Có kỹ năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Răng Hàm Mặt, thực hiện các đề án liên quan lĩnh vực Răng hàm mặt
- **PO4.** Có thái độ tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo cho các loại hình nhân lực Răng hàm mặt khác.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO³

PLO1. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn và ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc văn bằng tương đương

PLO3. Thực hiện đề án liên quan Răng hàm mặt, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện và phát triển nghề nghiệp

PLO4. Vận dụng kiến thức chuyên ngành để tham gia giải quyết độc lập các vấn đề lâm sàng chuyên sâu về nhổ răng-tiểu phẫu, chữa răng-nội nha, phục hình, răng trẻ em-chỉnh hình, bệnh lý vùng miệng-nha chu.

PLO5. Chẩn đoán đúng các bệnh lý thường gặp và chẩn đoán định hướng các bệnh khó trong Răng hàm mặt

PLO6. Điều trị an toàn và hiệu quả các bệnh lý thường gặp trong Răng hàm mặt

PLO7. Tiên lượng và dự phòng đúng các bệnh lý phổ biến trong chăm sóc sức khỏe răng miệng cá nhân và cộng đồng

PLO8. Tổ chức và thực hiện các chương trình quản lý phòng khám chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng Răng hàm mặt

³ Tham khảo yêu cầu về chuẩn đầu ra tại Điều 5, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Chương trình thạc sĩ:

TT	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ % trên tổng số tín chỉ của CTĐT
1	Phần kiến thức chung	10	16,7%
2	Phần kiến thức cơ sở	6	10%
3	Phần kiến thức hỗ trợ	3	5%
4	Phần kiến thức chuyên ngành	35	58,3%
5	Phần đề án	6	10%
Tổng cộng		60	100%

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Hàng năm trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khung chương trình đã ban hành

TT	Tên học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
Phần chung		10	9	1
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ	4	4	0
3	PPNCKH	3	2	1
Phần cơ sở		6	3	3
1	Giải phẫu	3	1	2
2	Giải phẫu bệnh	3	2	1
Phần hỗ trợ		3	1	2
1	Tai mũi họng	3	1	2
Chuyên ngành		35	14	21
1	Nha khoa cơ sở- Nha khoa công cộng	5	2	3
2	Bệnh học miệng- Nha chu	5	2	3
3	Chữa răng-Nội nha	5	2	3
4	Phẫu thuật miệng	5	2	3
5	Phục hình răng	5	2	3

6	Răng trẻ em- Chỉnh hình	5	2	3
7	Phẫu thuật hàm mặt	5	2	3
Đề án		6	0	6
Tổng cộng		60	27	33

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm, với 6 học kỳ chính.

Học viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo qui chế đào tạo sau đại học theo quyết định số 18/2000/ QĐ-BGD&ĐT ngày 08/06/2000.

9.2. Tổ chức đào tạo, thời gian và kế hoạch đào tạo

Trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần cho phép học viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường; Học viên trình độ sau đại học của Trường được đào tạo theo tín chỉ.

Thời gian thiết kế của chương trình đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt là 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Học viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo theo thứ tự: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án.

- Học phần chung: Triết học, Ngoại ngữ và Phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Học phần cơ sở: Giải phẫu, Giải phẫu bệnh.
- Học phần hỗ trợ: Tai mũi họng
- Học phần chuyên ngành: Nha khoa cơ sở-Nha khoa công cộng, Chữa răng-Nội nha, Bệnh học miệng-Nha chu, Phẫu thuật miệng, Phục hình, Răng trẻ em-Chỉnh hình, Phẫu thuật hàm mặt.
- Đề án.

9.3. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính

điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Đối với các học phần thực hành: học viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Đánh giá tự học: học viên phải hoàn thành các hoạt động tự học do bộ môn tổ chức tùy theo đặc thù của từng học phần để đủ điều kiện dự thi kết thúc học

9.4. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

a) Cuối mỗi học phần, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm D⁺, D, F (dưới 1,5 theo thang điểm 4 hoặc dưới 5,00 theo thang điểm 10) ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.)

9.5. Công cụ và tiêu chí kiểm tra/đánh giá

Rubric : Tham gia vào hoạt động tự học, hoạt động trên lớp

Rubric : Tham gia vào hoạt động học tập, tự học

Rubric : Tham gia chuyên đề, tiểu luận

Rubric : Chấm bài thi tự luận

Rubric : Chấm bài thi trắc nghiệm (theo thang điểm của trường)

Rubric : Bài tập nhóm

9.6. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những học viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo bao gồm cả thi kết thúc khoá học.